UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 66 /BC-SNNMT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
Đánh giá thực trạng và tác động của chính sách hỗ trợ về thu nhập đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo

Sau sáp nhập, thành phố Hải Phòng có số hộ nghèo là **6.287 hộ**, chiếm tỷ lệ 0,48%; Số hộ cận nghèo là **14.465 hộ**, chiếm tỷ lệ 1,12%1 *(Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024)*.

Thực hiện việc rà soát hộ nghèo định kỳ hằng năm theo quy định tại Thông tư số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 25/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Kết quả rà soát năm 2025, thành phố Hải Phòng còn **1.693 hộ nghèo**, chiếm tỷ lệ 0,13%; **12.824 hộ cận nghèo**, chiếm tỷ lệ 0,99%[2] (Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2025), đảm bảo đạt mục tiêu Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 6 tháng cuối năm 2025 của thành phố Hải Phòng sau sắp xếp (tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai

---

[1] Tính theo kết quả rà soát cuối năm 2024, gồm:

- Thành phố Hải phòng (cũ): Số hộ nghèo: 0; số hộ cận nghèo : 5.944 hộ (13.750 người), chiếm tỷ lệ 0,93%.

- Tỉnh Hải Dương (cũ): Số hộ nghèo: 6.287 hộ (11.677 người), chiếm tỷ lệ 0,96%; số hộ cận nghèo: 8.521 hộ (21.689 người), chiếm tỷ lệ 1,3%.

[2] Thành phố Hải Phòng sau sáp nhập đã giảm được 21.817 hộ nghèo và 15.939 hộ cận nghèo vào cuối năm 2025 so với đầu kỳ rà soát năm 2022.

đoạn 2021-2025 còn dưới 0,2%).

Đạt được kết quả trên là sự quyết tâm vào cuộc của các cấp ủy chính quyền địa phương các cấp trong công tác chỉ đạo, xây dựng, triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, trong đó phải đề cập đến tính hiệu quả của giải pháp xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Thành phố đã quan tâm, dành nguồn lực lớn thực hiện 02 Nghị quyết đặc thù hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho các thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội và người có hoàn cảnh khó khăn là 20.950 người, kinh phí thực hiện 233.509 triệu đồng, cụ thể:

- Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Số đối tượng đang thực hiện hỗ trợ là: 14.855 người, kinh phí thực hiện: 160.585 triệu đồng.

- Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đã có 6.095 người được hỗ trợ, kinh phí thực hiện là 72.924 triệu đồng.

Ngày 30/12/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 351/NĐ-CP Quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030, trong đó quy định:

Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia năm 2026

Tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Chuẩn nghèo quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2026:

Chuẩn hộ nghèo: Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Chuẩn hộ cận nghèo: Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình

quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản. Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 – 2030:

Chuẩn hộ nghèo: Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Chuẩn hộ cận nghèo: Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản. Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

Theo dự kiến chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2027-2030 nêu trên, năm 2027, tỷ lệ nghèo đa chiều thành phố Hải Phòng khoảng 4,55% (trong đó hộ nghèo 2,03%, hộ cận nghèo 2,52%), tương ứng với khoảng 58.922 hộ, tăng khoảng 7.319 hộ so với năm 2022 (đầu kỳ giai đoạn 2022 - 2025)[3].

2. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, yêu cầu: *"Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau"; "Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. ...; Nhà nước ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp…";*

- Theo mục 1 phần III tại Nghị quyết số 09/NQ-ĐH ngày 27/9/2025 của Đại hội đại biểu thành phố Hải Phòng lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030 với quan điểm: "...*Phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế; phát huy truyền thống*

[3] Dự kiến tỷ lệ nghèo đa chiều của cả nước là 9,6% ((tỷ lệ hộ nghèo là 8,3%, tỷ lệ hộ cận nghèo là 1,3%), tương ứng với khoảng 2.705 triệu hộ (đầu giai đoạn 2022-2025 là 9,35%, mức tăng là 0,25%)

"Thành phố Cảng Anh hùng và xứ Đông văn hiến"; *coi trọng giáo dục - đào tạo, y tế và an sinh xã hội, tiếp tục thực hiện chủ trương* ***"Đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước một bước so với phát triển kinh tế"***; *bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận, thụ hưởng thành quả phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau"* và tại điểm 5.9 (Phát triển văn hóa, xây dựng con người Hải Phòng phát triển toàn diện và có giá trị bản sắc riêng; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội), mục 5 phần giải pháp thực hiện tại Nghị quyết nêu rõ ***"…Đến năm 2028 không còn hộ nghèo trên địa bàn (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030)".***

3. Cơ sở pháp lý

- Theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

"a) Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định chính sách, biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và các đối tượng chính sách khác tại địa phương;"

- Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 thì: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định:

"*c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*."

- Theo quy định tại điểm l, khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: *"Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương";*

-Theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 thì: *"Quốc hội, HĐND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo thẩm quyền để thực hiện quyền trẻ em; giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo quy*

định của pháp luật; phân bổ ngân sách hàng năm để bảo đảm thực hiện quyền trẻ em";

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật Người Khuyết tật ngày 17/6/2010 thì: *"Bảo trợ xã hội; trợ giúp người khuyết tật trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, việc làm, văn hóa, thể thao, giải trí, tiếp cận công trình công cộng và công nghệ thông tin, tham gia giao thông; ưu tiên thực hiện chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ người khuyết tật là trẻ em, người cao tuổi";*

- Theo quy định tại Điều 2 Nghị định 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ chuẩn nghèo đa chiều quốc gia năm 2026: *"1. Tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. 2. Chuẩn nghèo quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2026".*

- Theo quy định tại mục a khoản 1 Điều 3 Nghị định 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030: *"Ở khu vực nông thôn: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.200.000 đồng/người/tháng. Ở khu vực đô thị: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.800.000 đồng/người/tháng".*

- Theo quy định tại mục d, đ, e khoản 6 Điều 4 Nghị định 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

"...d) Tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản.

đ) Căn cứ điều kiện thực tế, các tỉnh, thành phố có thể quy định chuẩn nghèo đa chiều của địa phương cao hơn so với chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030 (nâng mức tiêu chí về thu nhập, điều chỉnh, bổ sung các chiều, chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, quy định về đo lường chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản) làm căn cứ thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù trên địa bàn.

e) Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cân đối, bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều tại điểm đ trên và đặc thù của địa phương".

4. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành nhiều Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, trong đó đặc biệt quan tâm đến nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo không có khả năng lao động *(Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Số đối tượng đang thực hiện hỗ trợ là: 14.855 người, kinh phí thực hiện: 160.585 triệu đồng. Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đã có 6.095 người được hỗ trợ, kinh phí thực hiện là 72.924 triệu đồng).* Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trên đã giảm tỷ lệ hộ nghèo của thành phố đến cuối năm 2025 còn 0,13%, đạt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 6 tháng cuối năm 2025 của thành phố Hải Phòng sau sắp xếp, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, việc hợp nhất thành phố Hải Phòng với tỉnh Hải Dương thành thành phố Hải Phòng (mới) đã phát sinh: chính sách hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo *(Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND)* có sự khác nhau giữa phía Đông và phía Tây thành phố, hoặc có chính sách đối tượng ở phía Đông thành phố được hỗ trợ, phía Tây thành phố không được hỗ trợ và ngược lại. Điều này dẫn đến việc thực hiện chế độ chính sách cho đối tượng không đồng nhất trên địa bàn thành phố hiện nay.

- Theo Khảo sát mức sống dân cư kỳ 1 năm 2025 của Bộ Tài chính (khảo sát cuối năm 2024), mức sống tối thiểu khu vực đô thị là 2,485 triệu đồng/người/tháng, khu vực nông thôn là 1,87 triệu đồng/người/tháng. Dự kiến, từ nay đến năm 2030, chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 3,5%/năm. Để bảo đảm các hộ gia đình thoát nghèo từ năm 2030 trở đi không sống dưới mức sống tối thiểu, tiêu chí thu nhập trong chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 thấp nhất là: khu vực đô thị là 3 triệu đồng/người/tháng, khu vực nông thôn là 2,3 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,5 lần (ở khu vực đô thị) và

1,53 lần (ở khu vực nông thôn) so với chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025[4]. Như vậy, mức chuẩn hỗ trợ theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND bằng mức chuẩn tiêu chí thu nhập theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia như hiện nay là chưa đảm bảo mức sống tối thiểu của người dân.

- Ngày 30/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 351/2025/NĐ-CP quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030, trong đó quy định năm 2026 "*Tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025" (*tiêu trí thu nhập vẫn tính: Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng, Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng).

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 để thực hiện chính sách năm 2026 (theo chuẩn 2022-2025), thành phố còn **1.693 hộ nghèo**, chiếm tỷ lệ 0,13%; **12.824 hộ cận nghèo**, chiếm tỷ lệ 0,99%; tuy nhiên, Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND hết hiệu lực tháng 12/2025 và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND sẽ hết hiệu lực ngày 15/02/2025 *(khi Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc giai đoạn 2026-2030 có hiệu lực*) thì số hộ nghèo, cận nghèo đã thoát nghèo năm 2025 và các năm trước sẽ có nguy cơ tái nghèo năm 2026 *(dự kiến khoảng 11.248 hộ rơi vào diện nghèo và 14.465 hộ rơi vào cận nghèo*) vì các hộ trên đa phần thuộc diện người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, người cao tuổi ốm đau bệnh nặng, hiểm nghèo … *(cơ bản các hộ này thoát nghèo, thoát cận nghèo do được hỗ trợ về thu nhập theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND).*

Và tính theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia giai đoạn 2027-2030 (*Ở khu vực nông thôn: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.200.000 đồng/người/tháng. Ở khu vực đô thị: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.800.000 đồng/người/tháng)* thì tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của thành phố Hải Phòng dự kiến khoảng 4,55%, tương ứng 58.922 hộ nghèo, cận nghèo. Những hộ trên đa phần thuộc diện không có khả năng lao động, có hoàn cảnh khó khăn (người cao tuổi cô đơn không vợ, chồng, con; người cao tuổi, người hay ốm đau, bệnh nặng hiểm nghèo, bệnh phải chữ trị dài ngày...) đối với nhóm này khi sử dụng các chính sách khác hỗ trợ như về giáo dục, vay vốn ưu đãi, tạo việc làm cơ bản sẽ không hiệu quả (vì họ không có sức lao động), chỉ có thể sử dụng chính sách hỗ trợ bằng tiền trợ cấp để giúp nâng cao thu nhập, cải thiện, đảm bảo cuộc sống bằng mức sống tối thiểu.

[4] Trích dẫn từ Báo cáo số 217/BC-BNNMT ngày 29/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Đánh giá tác động của chính sách Nghị định của Chính phủ ban hành chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030

Nếu không có chính sách hỗ trợ thu nhập cho các đối tượng trên thì khó đảm bảo chủ trương đề ra tại Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ nhất nhiệm kỳ 2025-2030 là "***Đến năm 2028 không còn hộ nghèo trên địa bàn (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030)".***

Xuất phát từ căn cứ pháp lý và tình hình thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 – 2030 *(thay thế Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024)* là có cơ sở chính trị, pháp lý và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố và rất cần thiết trong tình hình thực tiễn hiện nay. Qua đó, thể hiện sự quan tâm của thành phố với các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo không có khả năng lao động có hoàn cảnh khó khăn góp phần đảm bảo chính sách an sinh xã hội; đồng bộ, hài hoà giữa phát triển kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội, hạn chế sự phân hóa giàu nghèo, phù hợp với chủ trương "không để ai bị bỏ lại phía sau" mà Đại hội Đảng bộ thành phố đề ra.

5. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu chung

Ban hành chính sách hỗ trợ thu nhập đối với thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo một cách thống nhất trên địa bàn thành phố (không phân biệt phía Đông hoặc phía Tây thành phố), nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm đối tượng nêu trên, đảm bảo mục tiêu giảm nghèo bền vững, tiến tới xóa nghèo theo nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025- 2030.

b) Mục tiêu cụ thể

- Kế thừa và phát triển Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND, Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND và các Nghị quyết khác của Hội đồng nhân dân thành phố về các chính sách trợ giúp đối với nhóm đối tượng yếu thế, hướng tới mục tiêu hỗ trợ toàn diện, bao trùm người nghèo, người cận nghèo, người mới thoát nghèo, giúp họ nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần, được đáp ứng nhu cầu điều kiện sống an toàn; tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản, gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hạn chế tái nghèo, tái cận nghèo.

- Sửa đổi, bổ sung một số một quy định nhằm khắc phục một số hạn chế trong quy định tại các chính sách đã ban hành.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Tên chính sách: **Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.**

1. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Bãi bỏ chính sách tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND và thay đổi một số nhóm quy định liên quan, cụ thể:

- Về đối tượng:

+ Diện đối tượng thụ hưởng: cơ bản giữ nhóm đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND, có chỉnh sửa từ ngữ cho phù hợp.

+ Quy mô: Số lượng đối tượng tăng thêm do có sự khác nhau giữa phía Đông và phía Tây thành phố, hoặc có chính sách đối tượng ở phía Đông thành phố được hỗ trợ, phía Tây thành phố không được hỗ trợ và ngược lại; từ năm 2027 đối tượng sẽ tăng thêm do có sự thay đổi về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030, cụ thể:

Năm 2025, tổng số đối tượng được hỗ trợ: 20.950 người; dự kiến năm 2026 có khoảng 25.000 người được hỗ trợ, từ năm 2027 đến năm 2023 mỗi năm dự kiến có khoảng 30.000 người được hỗ trợ.

- Về mức hỗ trợ: Tăng thêm mức chuẩn hỗ trợ so với mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND đối với các đối tượng do tính đến chỉ số giá tiêu dùng, việc đảm bảo mức sống tối thiểu của người dân (nhiều hộ mang tính chất thoát nghèo nhưng cuộc sống vô cùng khó khăn).

* Mức chuẩn hỗ trợ năm 2026:

Khu vực thành thị là 2.485.000 đồng/người/tháng

Khu vực nông thôn là 1.870.000 đồng/người/tháng

* Mức chuẩn hỗ trợ từ năm 2027 – 2030:

Khu vực thành thị là 3.000.000 đồng/người/tháng

Khu vực nông thôn là 2.300.000 đồng/người/tháng

2. Tác động về kinh tế - xã hội

a) Về kinh tế

- Năm 2026 sử dụng chuẩn nghèo được quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, tiêu trí thu nhập là: Khu vực thành thị là 2.000.000 đồng/người/tháng, khu vực nông thôn là 1.500.000 đồng/người/tháng.

Tuy nhiên theo "Khảo sát mức sống dân cư kỳ 1 năm 2025 của Bộ Tài chính (khảo sát cuối năm 2024), mức sống tối thiểu khu vực đô thị là 2,485 triệu đồng/người/tháng, khu vực nông thôn là 1,87 triệu đồng/người/tháng"; để đảm bảo mức sống tối thiểu của người dân, năm 2026 đề xuất mức chuẩn hộ trợ là:

Khu vực thành thị là 2.485.000 đồng/người/tháng

Khu vực nông thôn là 1.870.000 đồng/người/tháng

Dự kiến đối tượng: 25.000 người *(làm tròn số, trong đó khoảng 50% số người được hỗ trợ 100% mức chuẩn, 50% số người được hỗ trợ thêm*[5]***), kinh phí thực hiện là 543.345 triệu đồng/năm.***

- Từ năm 2027 -2030; Tiêu trí thu nhập áp dụng là: Khu vực thành thị là 2.800.000 đồng/người/tháng, khu vực nông thôn là 2.200.000 đồng/người/tháng.

Căn cứ cơ sở tính toán của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính[6]; mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố đề ra trong Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ nhất nhiệm kỳ 2025-2030, đề xuất mức chuẩn hộ trợ là:

Khu vực thành thị là 3.000.000 đồng/người/tháng

Khu vực nông thôn là 2.300.000 đồng/người/tháng

Dự kiến đối tượng: 30.000 người/năm*(làm tròn số, trong đó khoảng 50% số người được hỗ trợ 100% mức chuẩn, 50% số người được hỗ trợ thêm)****; kinh phí thực hiện là 760.700 triệu đồng/năm.***

b) Về xã hội: Giúp nhận diện, xác định đầy đủ, chính xác hơn, phù hợp,

---

[5] Đối tượng được hỗ trợ 100% mức chuẩn hỗ trợ hằng tháng là các đối tượng không có thu nhập ổn định hằng tháng như tiền lương; tiền công; lương hưu; trợ cấp người có công, thân nhân người có công với cách mạng; trợ cấp bảo hiểm xã hội; trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp xã hội…

Đối tượng được hỗ trợ thêm hằng tháng là các đối tượng có thu nhập hằng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp người có công, thân nhân người có công với cách mạng, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp xã hội … nhưng khoản thu nhập đó thấp hơn mức chuẩn quy định.

[6] "Dự kiến, từ nay đến năm 2030, chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 3,5%/năm. Để bảo đảm các hộ gia đình thoát nghèo từ năm 2030 trở đi không sống dưới mức sống tối thiểu, tiêu chí thu nhập trong chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 thấp nhất là: khu vực đô thị là 3 triệu đồng/người/tháng, khu vực nông thôn là 2,3 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,5 lần (ở khu vực đô thị) và 1,53 lần (ở khu vực nông thôn) so với chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 (Nguồn trích dẫn tại Tờ trình số 227/TTr-BNNMT ngày 05/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Dự thảo Nghị định quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030)

hiệu quả hơn của chính sách hỗ trợ đối với từng nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm hộ có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo việc xóa nghèo thực chất đạt được sự đồng thuận cao của người dân, cộng đồng và cán bộ trong tổ chức triển khai thực hiện chương trình và chính sách giảm nghèo.

c) Tác động về giới (nếu có): không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do quy định được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có): không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

III. ĐỀ XUẤT

Đề xuất Hội đồng nhân dân thành phố ban hành **Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030,** được thực hiện từ ngày tháng năm 2026 đến hết tháng 12 năm 2030, cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không có vợ, chồng, con; hoặc có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn; hoặc có vợ, chồng, con nhưng đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật.

- Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp sau: Đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp có thẩm quyền cấp giấy xác nhận khuyết tật; mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định; bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên.

b) Thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp có thẩm quyền cấp giấy xác định mức độ khuyết tật theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc các trường hợp:

- Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/ND-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 25/2025/TT-BYT ngày 30/06/2025 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

- Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLDDTBXH ngày 27/9/2013 của Bộ Y tế và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung.

d. Thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là trẻ em theo quy định của pháp luật. Trường hợp các đối tượng này mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

đ. Thành viên thuộc hộ nghèo được công nhận thoát nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận có các hoàn cảnh nêu tại điểm a,b,c,d mục này.

2. Mức chuẩn hỗ trợ

**** Mức chuẩn hỗ trợ năm 2026:***

Khu vực thành thị là 2.485.000 đồng/người/tháng

Khu vực nông thôn là 1.870.000 đồng/người/tháng

**** Mức chuẩn hỗ trợ từ năm 2027 – 2030:***

Khu vực thành thị là 3.000.000 đồng/người/tháng

Khu vực nông thôn là 2.300.000 đồng/người/tháng

a) Đối tượng được hỗ trợ 100% mức chuẩn hỗ trợ hằng tháng

Cấp hỗ trợ 100% mức chuẩn quy định đối với các đối tượng a,b,c,d,đ nêu tại mục 1 mà các đối tượng này không có thu nhập ổn định hằng tháng như tiền lương; tiền công; lương hưu; trợ cấp người có công, thân nhân người có công với cách mạng; trợ cấp bảo hiểm xã hội; trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp xã hội…

b) Đối tượng được hỗ trợ thêm hằng tháng

Cấp hỗ trợ thêm hằng tháng, đảm bảo tổng thu nhập bằng mức chuẩn

quy định trên đối với các đối tượng a,b,c,d,đ nêu tại mục 1, mà các đối tượng này có thu nhập hằng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp người có công, thân nhân người có công với cách mạng, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp xã hội … nhưng khoản thu nhập đó thấp hơn mức chuẩn quy định.

c) Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

Các đối tượng quy định tại khoản a,b,c,d,đ mục 1 được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế hằng năm.

3. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

a) Chính sách quy định tại Nghị quyết được thực hiện kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch và đúng đối tượng; các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phải có đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Trường hợp các đối tượng a,b,c,d,đ nêu tại mục 1 Phần III đồng thời thuộc đối tượng hưởng nhiều mức hỗ trợ (về thu nhập và mức đóng bảo hiểm y tế) khác nhau theo quy định tại mục 2 Phần III này hoặc Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khác của thành phố thì được lựa chọn hưởng loại chính sách hỗ trợ phù hợp, đảm bảo mức hỗ trợ từ các chính sách của thành phố không vượt mức chuẩn hỗ trợ theo quy định tại mục 2 Phần III này.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm.

5. Hiệu lực thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2026, chính sách quy định tại nghị quyết được thực hiện từ ngày / /2026 đến hết ngày 31/12/2030.

- Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

b) Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

c. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu áp dụng tại

Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Trên đây là báo cáo đánh giá thực trạng và tác động của chính sách hỗ trợ về thu nhập đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố làm cơ sở đề xuất ban hành chính sách./.

Nơi nhận:
- UBND TP;
- HĐND TP;
- GĐ Sở, PGĐ P.T. Đào;
- Lưu: VT, CCPTNT, HSNQ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phạm Thị Đào